

Bản án số: 135/2017/HSST
Ngày: 27/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cường.
2. Bà Vũ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Chiêu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quốc Hưng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2017, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 121/2017/HSST ngày 22/11/2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/QĐXX-ST ngày 10/12/2017 đối với bị cáo:

Trần Việt B; Tên gọi khác: không; sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Trần Thế D và bà Nguyễn Thị L; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ Hà Thị Th, sinh năm 1988; vợ chồng có 02 con chung, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/9/2017 đến nay tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1994 và chị Đặng Thị L, sinh năm 1996 (là vợ của anh D; chị L ủy quyền cho anh D); trú quán: xóm Y Nhân, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Đàm Văn H, sinh năm 1996; trú quán: xóm Y Nhân, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* chị Hà Thị Th, sinh năm 1988; trú quán: Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (vợ bị cáo Trần Việt B). Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1975; trú quán: Tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1988; trú quán: Tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Việt B cùng vợ là Hà Thị Th (Sinh năm 1988) thuê phòng trọ tại tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên. Ở cùng khu trọ với B có gia đình anh Đàm Văn D (Sinh năm 1994) và vợ là chị Đặng Thị L (Sinh năm 1996), trú quán: xóm Ý Nhân, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Khoảng 20 giờ ngày 29/7/2017, Bắc đang ở phòng thì phát hiện thấy phòng của anh D không khóa cửa, trong phòng không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B đi sang mở cửa phòng của anh D đi vào, đến vị trí túi xách treo trên móc treo quần áo trong phòng lục tìm tài sản thì phát hiện thấy 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng nên đã lấy tờ tiền cho vào lòng bàn tay rồi đi về phòng. Sau khi tắm cho con ở phòng vệ sinh của khu trọ, chị L về phòng thì thấy cửa phòng bị mở, nghi ngờ có kẻ gian đột nhập trộm cắp tài sản nên chị L đã kiểm tra tài sản thì phát hiện bị mất số tiền 100.000 đồng để trong túi xách. Đến ngày 30/7/2017, khi anh D đi làm về, chị L đã kể lại sự việc cho anh D nghe. Anh D đã tiến hành kiểm tra dữ liệu Camera được lắp trong phòng thì phát hiện B là người trộm cắp tài sản nên đã gọi B cùng chủ nhà là anh Vũ Văn Đ (Sinh năm 1975) và chị Thương sang phòng cùng xem lại đoạn Camera. Sau khi xem xong, B đã thừa nhận việc “Trộm cắp tài sản” tại phòng trọ của anh D, chị L vào tối ngày 29/7/2017.

Ngoài ra, B còn thừa nhận trước đó, Bắc đã nhiều lần vào phòng trọ của anh Dao trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng cuối tháng 06/2017, B vào phòng trọ của anh D nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi vào phòng, B phát hiện thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony, màu đen (không lắp sim) để trên giường ngủ trong phòng lên đã lấy cho vào túi quần đang mặc rồi đi về phòng. Sáng ngày hôm sau, B ra hiệu thuốc ở gần nhà mua 60 viên thuốc Terpin hết 60.000 đồng nhưng không mang theo tiền nên đã để chiếc điện thoại di động lại cho chị Vũ Thị Thanh H (Sinh năm 1988; HKTT: xóm Hái Hoa 1, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) là nhân viên bán thuốc của cửa hàng.

Lần thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 7/2017, B vào phòng trọ của anh D,

chị L lục trong túi xách treo trên móc treo quần áo trong phòng trộm cắp số tiền 600.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng đầu tháng 7/2017, B vào phòng trọ của anh D, chị L lục trong túi xách treo trên móc treo quần áo trong phòng trộm cắp số tiền 300.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 7/2017, B vào phòng trọ của anh D, chị L trộm cắp trong túi của chiếc quần phụ nữ treo trên móc áo ở trong phòng số tiền 450.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng giữa tháng 7/2017, B vào phòng trọ của anh D, chị L thì phát hiện thấy 01 chiếc ví da để trên thành cửa sổ trong phòng (sau xác định là ví của anh Đàm Văn H, sinh năm 1996, là em trai anh D). B kiểm tra vì thì thấy bên trong có 50.000 đồng (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) nên đã trộm cắp số tiền nêu trên. Toàn bộ số tiền lấy được trong các lần trộm cắp, B sử dụng để mua thuốc Terpin và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/KLĐG, ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: "01 điện thoại nhãn hiệu Sony Xperia C5, màu đen (đã qua sử dụng) trị giá là **2.500.000 đồng**". Chiếc điện thoại này Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đàm Văn D quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 1.500.000 đồng B trộm cắp, chị Thương (vợ bị cáo Trần Việt B) đã tự nguyện nộp cho Cơ quan Công an để bồi thường cho người bị hại anh D, chị L.

Bản cáo trạng số 121/CT- TA ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Việt B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Việt B thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, người bị hại là anh Đàm Văn D, chị Đặng Thị Lh, anh Đặng Văn H đều vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn anh D, chị L, anh H xác định đã nhận lại tài sản và số tiền 1.500.000đ do vợ bị cáo là chị Hà Thị Th bồi thường. Nay anh D, chị L, anh H không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Thg (vợ của bị cáo B) xác định: Chị là người trực tiếp đưa tiền bồi thường số tiền là 1.500.000đ cho vợ chồng anh D, chị L, nay chị không yêu cầu bị cáo B (là chồng chị) phải hoàn trả lại cho chị số tiền trên.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Việt B từ **6 - 9** tháng tù.

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh anh Đàm Văn D đã nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Sony Xperia C5.

Riêng đối với số tiền 1.500.000đồng bị cáo Bắc đã trộm cắp của vợ chồng anh D, chị L và anh H. Trong quá trình điều tra vợ bị cáo Bắc đã tự nguyện nộp 1.500.000đồng để trả cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại số tiền trên và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Th (vợ bị cáo B) xác định số tiền 1.500.000đ chị nộp tại cơ quan điều tra là tiền chị đi vay, chị tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra để bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th xác định số tiền trên chị nộp là do B tác động và chị hoàn toàn tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại. Tại phiên tòa chị không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.500.000đồng lên không đặt ra giải quyết.

* Vật chứng: Không

Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

Người bị hại anh D, chị L có quyền kháng cáo theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói cuối cùng của bị cáo hứa sửa chữa và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người làm chứng, với vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Trần Việt B và vợ Hà Thị Th và anh Đàm Văn D và vợ chị Đặng Thị L cùng thuê phòng trọ tại tổ dân phố Giữa, phường Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên. Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của anh D, chị L, anh H. Trong khoảng từ tháng 6/2017 đến ngày bị phát hiện bắt giữ ngày 29/7/2017, Trần Việt B đã nhiều lần vào phòng trọ của anh D, chị L, trộm cắp tài sản với tổng số tiền là 1.450.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony C5 (màu đen) trị giá là 2.500.000 đồng và 50.000đồng

của anh Đàm Văn H.

Tổng giá trị tài sản Trần Việt B trộm cắp của gia đình anh D, chị L là 3.950.000đồng và 50.000đồng của anh Đàm Văn H thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Hành vi, ý thức của Trần Việt B đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Bản cáo trạng số 121/CT-TA ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

[4] Xét tính chất vụ án thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, rất táo bạo và liều lĩnh, nhiều lần xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[5] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng vì lòng tham, để có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội, do đó cần được xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung

[6] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được lỗi lầm của mình đã gây ra; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả cho người bị hại, riêng đối với số tiền bị cáo trộm cắp, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Nhận định của Hội đồng xét xử khi lượng hình thấy: Trong thời gian gần đây tình trạng trộm cắp tài sản trên địa bàn diễn biến phức tạp, ngang nhiên giữa ban ngày, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Để đảm bảo kỷ cương pháp luật và ngăn chặn tình trạng phạm tội trên địa bàn HĐXX cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi

quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại cũng có đơn đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, mau chóng trở về với gia đình và xã hội.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp, việc làm ổn định lên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động bị cáo chiếm đoạt của anh D đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho anh D quản lý, sử dụng. Riêng đối với số tiền 1.450.000đồng và 50.000đồng của anh Đàm Văn H, vợ bị cáo Hà Thị Th đã tự nguyện nộp thay để khắc phục, trả lại cho người bị hại. Hội đồng xét xử ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho anh D, chị L, anh H. Anh D, chị L, anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Th (vợ bị cáo) là người tự nguyện nộp 1.500.000đồng thay bị cáo để bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay, chị Thương xác định số tiền chị nộp thay là hoàn toàn tự nguyện, chị không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

Người bị hại anh Dao, chị Linh vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Việt B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Việt B **6** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/9/2017.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Trần Việt Bắc 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia C5 và số tiền 1.450.000đồng cho anh Đàm Văn D, chị Đặng Thị L; trả cho anh Đàm Văn H 50.000đồng. Anh D, chị L, anh H không có đề nghị gì thêm nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Căn cứ điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Việt B phải chịu 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại anh Đàm Văn D, chị Đặng Thị L, anh Đàm Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Thái Nguyên
- VKS tỉnh TN
- Sở Tư Pháp TN
- VKS thị xã Phổ Yên
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên
- Công an thị xã Phổ Yên
- Bị cáo
- Người bị hại
- Người có QL&NVLQ
- Lưu, lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Toàn